

Án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Kiên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Tú;

Ông Phạm Đức Long;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh- Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Không tham gia;

Ngày 28/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 948/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐ /XXST-HNGĐ ngày 31/01/2020, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Anh Vũ Hoàng H**, sinh năm 1986;

ĐKKH và ở: Xóm Cao Sơn 4, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên;

+ Bị đơn: **Chị Cao Thị Minh P**, sinh năm 1987;

ĐKKH: Xóm Cao Sơn 4, xã S, thành phố Thái Nguyên;

Nơi ở: Tổ 16 (tổ 22 cũ), phường H, thành phố Thái Nguyên

(Anh H có đơn xin vắng mặt; Chị P vắng mặt lần thứ 2, không có lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác anh Vũ Hoàng H là nguyên đơn trình bày:

Anh H và chị P tự nguyện kết hôn với nhau vào tháng 11 năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Do bất đồng quan điểm sống trong mọi lĩnh vực, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ, xúc phạm nhau, tình cảm vợ chồng luôn trong tình trạng lạnh nhạt. Anh H và gia đình nội, ngoại đã nhiều lần góp ý nhưng chị P không tiếp thu, vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, chị P đã về bên ngoại ở từ tháng 7/2017 đến nay. Anh H xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị được ly hôn chị P .

- Về con chung: Có 01 con chung là Vũ Hoàng L sinh ngày 25/8/2012. Từ khi chị P về bên ngoại cháu L ở với anh H. Sau khi ly hôn anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các Văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS), nhưng bị đơn không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện xin ly hôn của anh H là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hành vi, quyết định tố tụng của Người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt; Chị P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, Điều 338 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Anh H đã thực hiện nghĩa vụ chứng minh yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

+Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị P kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, trên cơ sở tự nguyện. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị P là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của anh H nêu trên và nội dung xác nhận của Chính quyền địa P nơi các đương sự cư trú về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đương sự, có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị P đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Mặt khác, việc chị P không tham gia hòa giải và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cho thấy chị P không thiện trí khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Do đó việc duy trì quan hệ hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H để giải phóng cho các đương sự, tạo điều kiện cho các đương sự ổn định cuộc sống. Như vậy là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

+Về con chung: Quá trình chung sống các đương sự có 01 con chung chưa thành niên như anh H khai khai nêu trên. Xét thấy cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chưa thành niên. Việc giao trách nhiệm cho người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cần đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian các đương sự sống ly thân anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng con. Do đó sau khi ly hôn nên giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con

chung đến khi tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, tạo điều kiện cho cháu Long ổn định về mọi mặt. Chị P thực hiện quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không giải quyết vấn đề này.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết (vì anh H không yêu cầu);

- Về án phí: Anh H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm- không có giá ngạch, để nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các quy định:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 28, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 24 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Hoàng H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh H được ly hôn chị Cao Thị Minh P.

2. Về con chung: Giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Hoàng Long, sinh ngày 25/8/2012 đến khi tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị P thực hiện quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật; Không giải quyết cấp dưỡng nuôi con (vì anh H không yêu cầu).

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết (vì anh H không yêu cầu).

4. Về án phí: Thu của anh H 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước (chuyển từ Tiền tạm ứng án phí sang -theo Biên lai thu số 0002463 ngày 11/12/2019 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên lập).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TPTN;
- THADSTPTN;
- UBND xã Sơn Cẩm,
TP Thái Nguyên;
- Đương sự
- Lưu HS

Hoàng Thúy Kiên

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thúy Kiên

